

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 1/2017**

Hải Phòng, Tháng 04 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Đệ	Phó giám đốc (Từ nhiệm ngày 15/02/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 04 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/03/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,799,991,599,326	1,753,561,852,568
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	707,807,727,596	509,293,273,804
1. Tiền	111		626,135,977,596	8,001,273,804
2. Các khoản tương đương tiền	112		81,671,750,000	501,292,000,000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		868,052,000,000	858,803,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	868,052,000,000	858,803,000,000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30,428,190,996	49,211,998,612
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		16,176,563,498	12,609,076,332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1,266,695,500	21,757,460,000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		12,984,931,998	14,845,462,280
IV Hàng tồn kho	140	8	191,975,599,513	320,853,735,874
1. Hàng tồn kho	141		191,975,599,513	320,853,735,874
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1,728,081,221	15,399,844,278
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3,465,017,382
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,728,081,221	11,934,826,896
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,255,664,561,713	1,255,943,291,952
I Tài sản cố định	220	9	5,925,770,682	6,193,264,098
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5,925,770,682	6,193,264,098
- Nguyên giá	222		8,307,479,215	8,307,479,215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,381,708,533)	(2,114,215,117)
II Tài sản dở dang dài hạn	240		2,079,090,909	2,079,090,909
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,079,090,909	2,079,090,909
III Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1,247,652,152,163	1,247,652,152,163
1. Đầu tư vào công ty con	251		463,692,595,606	463,692,595,606
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		786,322,400,000	786,322,400,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2,362,843,443)	(2,362,843,443)
IV Tài sản dài hạn khác	260		7,547,959	18,784,782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7,547,959	18,784,782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,055,656,161,039	3,009,505,144,520

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		113,300,254,513	73,397,812,366
I Nợ ngắn hạn	310		113,300,254,513	73,397,812,366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		30,737,260,600	2,913,468,600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10	19,170,785,457	16,176,889,746
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		9,437,095,118	303,915,661
4. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	47,093,516,975	47,087,221,100
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		353,293,081	408,013,977
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,508,303,282	6,508,303,282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,942,355,906,526	2,936,107,332,154
I Vốn chủ sở hữu	410	12	2,942,355,906,526	2,936,107,332,154
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2,747,440,630,000	2,747,440,630,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		2,747,440,630,000	2,747,440,630,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139,270,925,591	139,270,925,591
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42,082,508,146)	(42,082,508,146)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		19,572,915,034	19,572,915,034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78,153,944,047	71,905,369,675
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		71,905,369,675	23,723,685,729
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		6,248,574,372	48,181,683,946
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,055,656,161,039	3,009,505,144,520



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 04 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I Năm 2017	Quý I Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	195,161,818,172	305,594,404,544
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		195,161,818,172	305,594,404,544
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	200,179,934,861	257,026,722,077
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(5,018,116,689)	48,567,682,467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	14,538,453,619	50,719,844,527
7. Chi phí tài chính	22	18	-	565,783,800
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	487,500,000
8. Chi phí bán hàng	25		1,065,106,680	1,012,390,039
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,077,932,490	1,248,645,689
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7,377,297,760	96,460,707,466
11. Thu nhập khác	31		654,950,205	170,000,000
12. Chi phí khác	32		30,000	917,239,694
13. Lợi nhuận khác (40 = -32)	40	19	654,920,205	(747,239,694)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8,032,217,965	95,713,467,772
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	1,783,643,593	2,766,093,736
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,248,574,372	92,947,374,036



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 04 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý I Năm 2017	Quý I Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	8,032,217,965	95,713,467,772
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	267,493,416	262,539,238
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14,538,453,619)	(50,719,153,349)
Chi phí lãi vay	06	-	487,500,000
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(6,238,742,238)	45,744,353,661
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	45,431,814,602	(26,650,628,008)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	128,878,136,361	160,576,453,186
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	39,902,442,147	328,334,353,381
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	11,236,823	15,986,351
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(487,500,000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,783,643,593)	(2,254,842,534)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(43,309,043)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	206,201,244,102	505,234,866,994
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(205,598,415)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(469,294,000,000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	460,045,000,000	(820,775,000,000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(208,000,000,000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,562,209,690	50,719,153,349
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(7,686,790,310)	(978,261,445,066)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý I Năm 2017	Quý I Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(75,000,000,000)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(8,931,578)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	(75,008,931,578)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	198,514,453,792	(548,035,509,650)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	509,293,273,804	1,043,069,462,202
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	707,807,727,596	495,033,952,552

Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 04 năm 2017

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200815578 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2016.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 27 người (tại ngày 01/01/2017 là 39 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31/03/2017 như sau :

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

Tại ngày 31/03/2017, Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 hàng năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy;
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang: là công ty con của Công ty;
- Các Công ty liên doanh, liên kết
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty : linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng trích lập dự phòng 70%.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành:

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và được tính bằng 0,045%/doanh thu.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền	626,135,977,596	8,001,273,804
Các khoản tương đương tiền (*)	81,671,750,000	501,292,000,000
Cộng	707,807,727,596	509,293,273,804

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	868,052,000,000	868,052,000,000	858,803,000,000	858,803,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	868,052,000,000	868,052,000,000	858,803,000,000	858,803,000,000
Cộng	868,052,000,000	868,052,000,000	858,803,000,000	858,803,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp
theo)

MẪU SỐ B 09-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con (1)	463,692,595,606	-	463,692,595,606	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	786,322,400,000	2,362,843,443	786,322,400,000	2,362,843,443
Cộng	1,250,014,995,606	2,362,843,443	1,250,014,995,606	2,362,843,443
				1,247,652,152,163
				463,692,595,606
				783,959,556,557
				1,247,652,152,163

(1) *Đầu tư công ty con*

Thông tin chi tiết về Công ty con – Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/03/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99.78	99.78

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(2) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/03/2017		01/01/2017	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam (*)	28,800,000	288,000,000,000	28,800,000	288,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	10,000,000	100,000,000,000	10,000,000	100,000,000,000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	-	262,522,400,000	-	262,522,400,000
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	13,580,000	135,800,000,000	13,580,000	135,800,000,000
Cộng	52,380,000	786,322,400,000	52,380,000	786,322,400,000

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2017		01/01/2017	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Dongfeng Moto Co.,Ltd	-	-	916,000.00	20,848,160,000
Nhà cung cấp nước ngoài khác	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư DVTC Hoàng Huy	-	-	-	-
Các đối tượng khác	-	1,266,695,500	-	909,300,000
Cộng		1,266,695,500		21,757,460,000

8. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	133,006,604,190	-	93,414,197,135	-
Chi phí SXKD DD	4,887,982,481	-	4,725,670,981	-
Thành phẩm	10,632,453,084	-	16,894,042,147	-
Hàng hóa	43,448,559,758	-	51,559,438,205	-
Hàng gửi bán	-	-	154,260,387,406	-
Cộng	191,975,599,513	-	320,853,735,874	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	7,964,262,417	343,216,798	8,307,479,215
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối năm	7,964,262,417	343,216,798	8,307,479,215
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	1,852,311,396	261,903,721	2,114,215,117
Khấu hao trong kỳ	262,843,416	4,650,000	267,493,416
Số cuối năm	2,115,154,812	266,553,721	2,381,708,533
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	6,111,951,021	81,313,077	6,193,264,098
Số cuối năm	5,849,107,605	76,663,077	5,925,770,682

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	19,170,785,457	16,176,889,746
Các đại lý	19,070,555,457	16,076,889,746
Khách hàng lẻ	100,230,000	100,000,000
Cộng	19,170,785,457	16,176,889,746

11. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>	47,093,516,975	47,087,221,100
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47,074,020,000	47,074,020,000
Các khoản phải trả khác	19,496,975	13,201,100
Cộng	47,093,516,975	47,087,221,100

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016	2,330,904,280,000	124,532,011,543	-	19,572,915,034	140,260,035,729	2,615,269,242,306
Tăng vốn trong năm	300,000,000,000	15,000,000,000	-	-	-	315,000,000,000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Tặng) cổ phiếu quỹ	116,536,350,000	-	-	-	(116,536,350,000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(42,082,508,146)	-	-	(42,082,508,146)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(107,896,940,440)	(107,896,940,440)
Giảm khác	-	(261,085,952)	-	-	156,078,624,386	156,078,624,386
Tại 01/01/2017	2,747,440,630,000	139,270,925,591	(42,082,508,146)	19,572,915,034	71,905,369,675	2,936,107,332,154
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	6,248,574,372	6,248,574,372
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại 31/03/2017	2,747,440,630,000	139,270,925,591	(42,082,508,146)	19,572,915,034	78,153,944,047	2,942,355,906,526

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của Công ty là 2.747.440.630.000 đồng.

13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2017	01/01/2017
Ngoại tệ (USD)	31,758.09	2,989.30

14. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017 như sau :

Chi tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	65,448,636,363	24,298,181,817	105,414,999,992	195,161,818,172
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	65,448,636,363	24,298,181,817	105,414,999,992	195,161,818,172
- Doanh thu khác	-	-	-	-
2. Giá vốn	63,127,771,864	25,918,526,376	111,133,636,621	200,179,934,861
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	63,127,771,864	25,918,526,376	111,133,636,621	200,179,934,861
- Giá vốn hoạt động khác	-	-	-	-
3. Lợi nhuận gộp	2,320,864,499	(1,620,344,559)	(5,718,636,629)	(5,018,116,689)
- Bán hàng hóa, thành phẩm	2,320,864,499	(1,620,344,559)	(5,718,636,629)	(5,018,116,689)
- Hoạt động khác	-	-	-	-

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01 đến 31/03/2017 VND	Từ 01/01 đến 31/03/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	195,161,818,172	305,574,545,454
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện	-	19,859,090
Cộng	195,161,818,172	305,594,404,544

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01 đến 31/03/2017 VND	Từ 01/01 đến 31/03/2016 VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	200,179,934,861	257,010,928,327
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện	-	15,793,750
Cộng	200,179,934,861	257,026,722,077

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01 đến 31/03/2017 VND	Từ 01/01 đến 31/03/2016 VND
Lãi tiền gửi	14,538,453,619	12,403,844,527
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	38,316,000,000
Cộng	14,538,453,619	50,719,844,527

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01 đến 31/03/2017 VND	Từ 01/01 đến 31/03/2016 VND
Lãi tiền vay	-	487,500,000
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	78,283,800
Cộng	-	565,783,800

19. LỢI NHUẬN KHÁC

	Quý I Năm 2017 VND	Quý I Năm 2016 VND
<i>Thu nhập khác</i>	654,950,205	170,000,000
Thưởng doanh số	654,950,205	-
Các khoản khác.		170,000,000
<i>Chi phí khác</i>	30,000	917,239,694
Các khoản khác.	30,000	917,239,694
Lợi nhuận khác	654,920,205	(747,239,694)

20. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH PRUKSA VIỆT NAM

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ hai ngày 09/01/2016 của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 27.523.810 USD, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 46,35%.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty TNHH Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m².

Tại thời điểm hiện tại, dự án đã xây dựng được 14 block nhà 3 tầng và đang tiếp tục xây dựng 09 toà nhà 3 tầng tiếp theo. Tỷ lệ căn hộ đã được bàn giao tới khách hàng chiếm khoảng 70% số lượng căn hộ hoàn thiện của dự án.

21. THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 03/01/2017, công ty không còn đáp ứng được điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, do đó Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2017.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Quý I Năm 2017 VND	Quý I Năm 2016 VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	11,723,800,000	9,849,400,000

Số dư với các bên liên quan:

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Ứng trước tiền hàng	-	-
Phải trả thương mại	2,451,800,000	1,486,000,000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam		
Phải trả khác	47,074,020,000	47,074,020,000

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 và Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 04 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

